

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 5 - 2022.
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Minh
- Bà Nguyễn Thị Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn - không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1991

Địa chỉ: khóm H, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: khóm H, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Bé H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có tìm hiểu nhau được 06 tháng thì tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống bên nhà chồng được khoảng 02 năm đến năm 2013, chị H và anh T xây dựng nhà sống riêng ở quê Chị H tại S, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình không còn vui vẻ, hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng tiền sử dụng riêng, tiền của ai người đó quản lý, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay Chị H nhận thấy tình cảm với anh T không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, hòa giải đoàn tụ nên Chị H yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Nhã T1, sinh ngày 23/6/2014 (hiện đang sống chung với chị H và anh T). Khi ly hôn Chị H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Thái T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của Chị H về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không thể hàn gắn. Từ năm 2021, mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn ngủ chung, tiền bạc tự quản lý. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể níu kéo, hàn gắn, anh T đồng ý ly hôn Chị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhã T1, sinh ngày 23/6/2014 (hiện đang sống chung với chị H và anh T). Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con cho Chị H nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Bé H và anh Nguyễn Thái T;

Về nuôi con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhã T1, sinh ngày 23/6/2014 hiện đang sống chung với chị H và anh T. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Trần Thị Bé H về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thái T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hiệp và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay, chị H và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh chị đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không có giá trị về mặt pháp lý. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn

quan tâm thương yêu nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh chị xác định tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhã T1, sinh ngày 23/6/2014 hiện đang sống chung với chị H và anh T. Khi ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận: Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bé H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Bé H và anh Nguyễn Thái T.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Bé H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Nhã T1, sinh ngày 23/6/2014 hiện đang sống chung với chị H và anh T.

Anh Nguyễn Thái T có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Nhã T1 cho chị Trần Thị Bé H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thái T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Bé H không yêu cầu anh Nguyễn Thái T cấp dưỡng nuôi con trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Bé H nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 11/3/2022 theo biên lai thu số 0000661 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSTĐ
- THA Dân sự TPSTĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Võ Thanh Thùy